

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ IV NĂM 2016**



Hải Phòng, tháng 01 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5 - 6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2016 của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Bà Mai Trang	Thành viên (từ nhiệm ngày 01/07/2016)
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hưng	Thành viên
Ông Nguyễn Phú Hiểu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 03/02/2016)

Ban Giám đốc

Ông Vũ Văn Cảnh	Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Tùng	Phó giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/11/2016)
Ông Phạm Văn Mạn	Phó giám đốc (miễn nhiệm ngày 15/12/2016)
Ông Nguyễn Trung Độ	Phó giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 19 tháng 01 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính : VNĐ	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.215.029.082.543	2.349.717.807.748
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	702.509.175.685	1.171.668.961.521
1. Tiền	111		20.501.175.685	76.982.486.089
2. Các khoản tương đương tiền	112		682.008.000.000	1.094.686.475.432
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	951.688.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		951.688.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		175.515.672.790	342.126.386.294
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		15.251.076.332	24.904.420.092
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	143.148.157.629	307.161.484.589
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	17.116.438.829	10.060.481.613
IV. Hàng tồn kho	140	9	369.916.389.790	817.444.017.882
1. Hàng tồn kho	141		369.916.389.790	818.760.481.699
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.316.463.817)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.399.844.278	18.478.442.051
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	240.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.465.017.382	18.238.442.051
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		11.934.826.896	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		939.309.879.587	588.160.958.435
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		139.623.210.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	139.623.210.000	-
I. Tài sản cố định	220		9.493.508.541	11.216.340.040
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	9.493.508.541	11.216.340.040
- Nguyên giá	222		13.473.079.215	13.267.480.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.979.570.674)	(2.051.140.760)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.079.090.909	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.079.090.909	-
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	788.081.827.022	576.886.985.528
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		788.081.827.022	576.886.985.528
IV. Tài sản dài hạn khác	260		32.243.115	57.632.867
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		32.243.115	57.632.867
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.154.338.962.130	2.937.878.766.183

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		85.272.423.972	176.709.618.575
I. Nợ ngắn hạn	310		85.272.423.972	176.709.618.575
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		2.913.468.600	1.712.250.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	11	25.634.525.746	39.533.239.219
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		2.486.516.347	2.655.549.857
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	613.636.373
5. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	47.087.221.100	47.246.460.550
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	75.000.000.000
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		642.388.897	1.526.779.294
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.508.303.282	8.421.703.282
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.069.066.538.158	2.761.169.147.608
I. Vốn chủ sở hữu	410		3.069.066.538.158	2.761.169.147.608
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	13	2.747.440.630.000	2.330.904.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.747.440.630.000	2.330.904.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	13	139.270.925.591	124.532.011.543
3. Cổ phiếu quỹ	415	12	(42.082.508.146)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	13	19.572.915.034	19.572.915.034
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	13	203.572.664.793	284.794.837.523
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		171.013.231.310	25.784.634.753
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		32.559.433.483	259.010.202.770
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.291.910.886	1.365.103.508
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.154.338.962.130	2.937.878.766.183



Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu

Ngày 19 tháng 01 năm 2017



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 4 năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016		Năm 2015	
		Quý 4	Lũy kế đến 31/12/2016	Quý 4	Lũy kế đến 31/12/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		329.302.827.651	1.577.706.816.734	715.644.909.060	3.512.705.644.333
2. Các khoản giảm trừ doanh thu			863.636.364	1.590.909.110	4.707.272.746
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	15	329.302.827.651	1.576.843.180.370	714.053.999.950	3.507.998.371.587
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	16	323.426.368.428	1.488.832.595.794	655.509.169.397	3.124.906.985.025
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)		5.876.459.223	88.010.584.576	58.544.830.553	383.091.386.562
6. Doanh thu hoạt động tài chính	17	17.219.505.701	61.642.474.378	12.915.823.468	30.751.536.741
7. Chi phí tài chính	18	25.027.645	738.968.185	1.927.427.350	19.705.564.094
- Trong đó: Chi phí lãi vay			487.500.000	1.436.693.390	8.832.492.790
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên		1.062.062.726	442.626.379	(2.254.485.627)	(668.245.452)
9. Chi phí bán hàng		3.056.171.817	6.484.011.731	(5.498.607.057)	(7.593.814.871)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp		1.356.133.294	6.336.946.855	1.641.925.549	12.643.321.331
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19.720.694.894	136.535.758.562	71.135.422.552	388.419.607.297
{30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}					
12. Thu nhập khác		19.089.646.799	21.936.100.434	(2.443.248.600)	122.731.050.398
13. Chi phí khác		286.496.167	1.203.735.861	(204.655.707)	1.153.100.386
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		18.803.150.632	20.732.364.573	(2.238.592.893)	121.577.950.012
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		38.523.845.526	157.268.123.135	68.896.829.659	509.997.557.309
(50 = 30 + 40)					
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành		8.108.786.394	16.798.435.564	4.651.049.857	28.819.095.192
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập		30.415.059.132	140.469.687.571	64.245.779.802	481.178.462.117
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		30.404.150.147	140.456.373.923	64.228.359.566	481.000.899.770
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông		10.908.985	13.313.648	17.420.236	177.562.347
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		525	535	3.164	3.164
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)					



Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu

Ngày 19 tháng 01 năm 2017



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

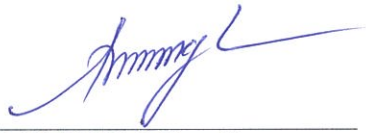
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	157.268.123.135	508.895.586.029
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	1.928.429.914	(118.061.944.438)
Các khoản dự phòng	03	(2.200.854.214)	2.790.919.824
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	23.726.591	4.873.223
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(61.239.013.474)	(29.555.896.865)
Chi phí lãi vay	06	487.500.000	8.832.492.790
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	96.267.911.952	372.906.030.563
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	46.726.554.768	(229.042.523.063)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	448.844.091.909	(87.850.477.286)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(12.897.052.133)	(744.526.784.685)
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	265.389.752	57.561.529
Tiền lãi vay đã trả	14	(487.500.000)	(8.832.492.790)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(18.006.288.522)	(32.001.182.156)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.174.485.952)	(581.781.457)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	558.538.621.774	(729.871.649.345)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(2.079.090.909)	(3.596.629.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	1.056.731.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.052.463.000.000)	478.372.437.702
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.100.775.000.000	(155.701.128.446)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(208.000.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	44.132.961.568	20.677.948.616
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.117.634.129.341)	340.809.360.235
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	315.000.000.000	1.220.951.127.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(42.082.508.146)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	944.197.031.980
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(75.000.000.000)	(942.629.200.000)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(107.980.940.440)	(168.359.798.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	89.936.551.414	1.054.159.160.980
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(469.158.956.153)	665.096.871.870
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.171.668.961.521	506.580.539.574
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(829.683)	(8.449.923)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	702.509.175.685	1.171.668.961.521

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY
Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Quý 4 năm 2016



Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu

Ngày 19 tháng 01 năm 2017



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0200815578 đăng ký lần đầu ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần thứ 12 ngày 20/05/2016.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 là: 2.747.440.630.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HHS.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh ô tô con, ô tô tải, cho thuê văn phòng, xây dựng và kinh doanh nhà các loại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2016, Công ty có các Công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Phòng 8B, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	48,00	48,00	Kinh doanh ô tô
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	79/20/14 Phạm Viêt Chánh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	45,45	45,45	Kinh doanh ô tô
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	Phòng 8A, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	46,35	46,35	XD nhà các loại
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	48,50	48,50	Kinh doanh linh kiện ô tô

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy có cổ đông lớn, Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc đồng thời là cổ đông, Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy;
- Các Công ty liên doanh, liên kết
- Các thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chỉ tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Bất lợi thế thương mại

Bất lợi thế thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: giá thực tế đích danh. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Năm 2016, Ban Giám đốc Công ty đánh giá linh kiện chậm luân chuyển của Công ty không giảm giá đáng kể, do đó không áp dụng chính sách trích lập dự phòng, nếu Công ty áp dụng chính sách trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho như các năm trước thì chi phí giá vốn hàng bán bị ảnh hưởng tăng khoảng 02 tỷ đồng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Thiết bị văn phòng	05
Phương tiện vận tải	08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp thực góp của các cổ đông, Vốn bổ sung hàng năm từ Lợi nhuận của Công ty và Vốn bổ sung theo các quyết định đầu tư hàng năm của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế tương đương để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011, Công ty được miễn thuế theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật”.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	771.631.914	421.613.752
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.729.543.771	76.560.872.337
Các khoản tương đương tiền (*)	682.008.000.000	1.094.686.475.432
Cộng	702.509.175.685	1.171.668.961.521

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	951.688.000.000	951.688.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	951.688.000.000	951.688.000.000	-	-
Cộng	951.688.000.000	951.688.000.000	-	-

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	576.886.985.528	180.000.000.000
Tăng do đầu tư công ty liên kết	208.000.000.000	397.220.400.000
Ảnh hưởng theo phương pháp vốn chủ	2.752.215.115	334.830.980
Phần lợi nhuận trong kết quả kinh doanh của Công ty liên đ	442.626.379	(668.245.452)
Số cuối năm	788.081.827.022	576.886.985.528

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam (*)	288.000.000.000	289.502.270.962	80.000.000.000	80.381.957.042
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	100.000.000.000	102.001.185.750	100.000.000.000	101.566.376.103
Công ty TNHH Prukxa Việt Nam	262.522.400.000	260.159.556.557	262.522.400.000	259.138.652.383
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	135.800.000.000	136.418.813.753	135.800.000.000	135.800.000.000
Cộng	786.322.400.000	788.081.827.022	578.322.400.000	576.886.985.528

(*) Trong năm, Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy thực hiện góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam. Theo đó số cổ phần sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy với Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam nâng lên thành 48%.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam (*)	28.800.000	288.000.000.000	8.000.000	80.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	10.000.000	100.000.000.000	10.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH Prukxa Việt Nam	-	262.522.400.000	-	262.522.400.000
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	13.580.000	135.800.000.000	13.580.000	135.800.000.000
Cộng	38.800.000	786.322.400.000	18.000.000	578.322.400.000

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	17,116,438,829	10,060,481,613
Lãi tiền gửi phải thu tạm tính	17,106,049,078	9,254,448,243
Ký quỹ, ký cược	10,389,751	806,033,370
Dài hạn	139,623,210,000	-
Công ty Cổ phần ô tô Công nghệ mới (*)	139,623,210,000	-
Cộng	156,739,648,829	10,060,481,613

(*) Phản ánh khoản hợp tác đầu tư giữa CTCP Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang cùng Công ty Cổ phần ô tô Công Nghệ Mới theo hợp đồng số: 2112.2016/CNM-HG về việc đầu tư dự án Khu đô thị nhà thu nhập thấp tại xã An Đồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng với diện tích khoảng 30.419,00m². Theo đó, CTCP Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang sẽ thực hiện góp vốn thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh để được quyền khai thác 45% dự án với quyền khai thác đầy đủ như quyền của chủ đầu tư. Dự án sẽ hoàn thiện các thủ tục pháp lý và phân phối các sản phẩm ra thị trường trong vòng 36 tháng.

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	VND	USD	VND
<i>Ngắn hạn</i>				
Dongfeng Moto Co.,Ltd	1.005.235,00	22.789.857.629	6.340.661,00	142.740.308.239
Nhà cung cấp nước ngoài khác	-	-	321.300,00	7.244.351.100
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy	-	5.139.000.000	-	156.651.825.250
Công ty Cổ phần Ô tô Công nghệ mới	-	114.310.000.000	-	-
Các đối tượng khác	-	909.300.000	-	525.000.000
Cộng	1.005.235,00	143.148.157.629	6.661.961,00	307.161.484.589

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	93.414.197.135	-	83.140.939.825	-
Chi phí SXKD dở dang	4.725.670.981	-	-	-
Thành phẩm	16.894.042.147	-	40.597.106.418	-
Hàng hóa	65.935.887.128	-	290.311.592.491	1.316.463.817
Hàng gửi bán	188.946.592.399	-	404.710.842.965	-
Cộng	369.916.389.790	-	818.760.481.699	1.316.463.817

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	12.924.264.002	343.216.798	13.267.480.800
Tăng khác	205.598.415	-	205.598.415
Số dư cuối năm	13.129.862.417	343.216.798	13.473.079.215
HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	1.807.837.039	243.303.721	2.051.140.760
Khấu hao trong năm	1.909.829.914	18.600.000	1.928.429.914
Số dư cuối năm	3.717.666.953	261.903.721	3.979.570.674
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	11.116.426.963	99.913.077	11.216.340.040
Số dư cuối năm	9.412.195.464	81.313.077	9.493.508.541

11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các đại lý	24.334.525.746	37.642.589.219
Khách lẻ	1.300.000.000	1.890.650.000
Cộng	25.634.525.746	39.533.239.219

12. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	47.087.221.100	47.246.460.550
Công ty TNHH Pruksa International (*)	47.074.020.000	47.074.020.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.201.100	172.440.550
Cộng	47.087.221.100	47.246.460.550

(*) Công ty TNHH Pruksa International đã ứng trước 2.261.000 USD (trương đương với 47.074.020.000 VND) cho Công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quý 4 năm 2016

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	573.642.410.000	14.116.236.000	-	12.780.251.000	146.969.868.807	747.508.765.807
Tăng vốn trong năm	1.588.905.570.000	110.995.557.000	-	-	-	1.699.901.127.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	168.356.300.000	-	-	-	(168.356.300.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(168.175.404.084)	(168.175.404.084)
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	6.792.664.034	(6.792.664.034)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	481.000.899.770	481.000.899.770
Ảnh hưởng ghi nhận theo pp vốn chủ	-	-	-	-	334.830.980	334.830.980
Giảm khác	-	(579.781.457)	-	-	(186.393.916)	(766.175.373)
Số dư đầu năm nay	2.330.904.280.000	124.532.011.543	-	19.572.915.034	284.794.837.523	2.759.804.044.100
Tăng vốn trong năm (1)	300.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-	315.000.000.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (1)	116.536.350.000	-	-	-	(116.536.350.000)	-
Tăng, giảm Cổ phiếu quỹ (2)	-	-	(42.082.508.146)	-	-	(42.082.508.146)
Chia cổ tức bằng tiền (3)	-	-	-	-	(107.896.940.440)	(107.896.940.440)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	140.456.373.923	140.456.373.923
Ảnh hưởng ghi nhận theo PP vốn chủ	-	-	-	-	2.752.215.115	2.752.215.115
Tăng khác	-	-	-	-	2.528.672	2.528.672
Giảm khác	-	(261.085.952)	-	-	-	(261.085.952)
Số dư cuối năm nay	2.747.440.630.000	139.270.925.591	(42.082.508.146)	19.572.915.034	203.572.664.793	3.067.774.627.272

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

(1) Chi tiết phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

Trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ-ĐHĐCD ngày 03/02/2016, đại hội đồng cổ đông đã phê chuẩn thực hiện phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức còn lại năm 2015 với tỷ lệ 5% và phát hành riêng lẻ như sau:

Phát hành cổ phiếu trả cổ tức:

- Số lượng chứng khoán phát hành: 11.653.635 cổ phiếu.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Tỷ lệ thực hiện: 5%

Chào bán cổ phiếu riêng lẻ

- Số lượng cổ phiếu phân phối: 30.000.000 cổ phiếu
- Giá bán: 10.500 đồng/ cổ phiếu
- Tổng tiền thu từ chào bán cổ phiếu: 315.000.000.000 đồng.

(2) Trong năm, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 04/4/2016 về việc Công ty sẽ mua cổ phiếu quỹ với số lượng tối đa là 05 triệu cổ phiếu theo phương thức khớp lệnh. Đến ngày 31/12/2016, Công ty đã hoàn thành việc mua cổ phiếu quỹ.

(3) Công ty tạm ứng cổ tức năm 2016 với tỷ lệ là 4% tương đương với 107.896.940.440 đồng theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 13/2016/NQ-HĐQT ngày 24/10/2016

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng Đăng ký kinh doanh, vốn Điều lệ của Công ty là 2.747.440.630.000 đồng.

Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm chốt danh sách gần nhất ngày 10/11/2016 như sau:

	Vốn cổ phần cuối năm		Vốn cổ phần đầu năm	
	VND	%	VND	%
CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	1,004,893,340,000	36.58%	-	-
Ông Đỗ Hữu Hạ	48,000,000,000	1.75%	522,201,510,000	22.40%
Ông Đỗ Hữu Hậu	-	-	223,128,670,000	9.57%
PYN Elite Fund (NON-UCITS)	-	-	254,295,410,000	10.91%
Cổ đông khác	1,694,547,290,000	61.68%	1,331,278,690,000	57.11%
Cộng	2,747,440,630,000	100%	2,330,904,280,000	100%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	2.330.904.280.000	573.642.410.000
- Vốn góp tăng trong năm	416.536.350.000	1.757.261.870.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	2.747.440.630.000	2.330.904.280.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	224.433.290.440	343.508.762.034

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	274.744.063	233.090.428
+ Cổ phiếu phổ thông	274.744.063	233.090.428
Số lượng cổ phiếu lưu hành	274.744.063	233.090.428
+ Cổ phiếu phổ thông	269.744.063	233.090.428
+ Cổ phiếu quỹ	5.000.000	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

14. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2016	01/01/2016
1. Ngoại tệ các loại (USD)	3.612,49	1.583,07

15. BÁO CÁO THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty có trụ sở hoạt động tại thành phố Hải Phòng và cung cấp hàng hoá cho khách hàng thuộc 3 miền bao gồm miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Báo cáo bộ phận được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 như sau:

Chỉ tiêu	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	Cộng VND
1. Doanh thu thuần	653.625.293.478	270.778.068.671	652.439.818.221	1.576.843.180.370
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	653.122.613.151	270.778.068.671	652.439.818.221	1.576.340.500.043
- Doanh thu khác	502.680.327	-	-	502.680.327
2. Giá vốn	596.377.886.811	260.131.839.994	632.322.868.989	1.488.832.595.794
- Giá vốn của hàng hóa thành phẩm đã bán	595.624.419.919	260.131.839.994	632.322.868.989	1.488.079.128.902
- Giá vốn hoạt động khác	753.466.892	-	-	753.466.892
3. Lợi nhuận gộp	57.247.406.667	10.646.228.677	20.116.949.232	88.010.584.576
- Bán hàng hóa, thành phẩm	57.498.193.232	10.646.228.677	20.116.949.232	88.261.371.141
- Hoạt động khác	(250.786.565)	-	-	(250.786.565)
4. Lợi nhuận trước thuế	98.344.361.904	18.905.674.765	40.018.086.466	157.268.123.135
- Bán hàng hóa, thành phẩm	77.420.157.517	18.905.674.765	40.018.086.466	136.343.918.748
- Hoạt động khác	(250.786.565)	-	-	(250.786.565)
- LN khác	21.174.990.952	-	-	21.174.990.952

Các tài sản của Công ty được sử dụng tại trụ sở chính của Công ty nên Công ty không phân bổ cho từng khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận thứ yếu - theo lĩnh vực kinh doanh

Theo số liệu trình bày nêu trên, hoạt động thứ yếu là hoạt động cung cấp dịch vụ khác.

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/10/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>329.302.827.651</i>	<i>1.577.706.816.734</i>
Doanh thu cung cấp hàng hóa	328.851.818.232	1.577.204.136.407
Doanh thu hoạt động khác	451.009.419	502.680.327
<i>Các khoản giảm trừ</i>	<i>-</i>	<i>863.636.364</i>
Chiết khấu thương mại		
Hàng bán bị trả lại	-	863.636.364
Cộng	329.302.827.651	1.576.843.180.370

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/10/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa	324.022.049.888	1.489.114.097.260
Giá vốn cung cấp dịch vụ, linh kiện ô tô	991.997.923	1.034.962.351
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.587.679.383)	(1.316.463.817)
Cộng	323.426.368.428	1.488.832.595.794

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/10/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	17.013.674.647	61.239.013.474
Thu nhập về hoạt động góp vốn liên doanh		-
Lãi chênh lệch tỷ giá	205.831.054	403.460.904
Cộng	17.219.505.701	61.642.474.378

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/10/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lãi vay phải trả	-	487.500.000
Chênh lệch tỷ giá	25.027.645	251.468.185
Chi phí hoạt động góp vốn liên doanh	-	
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-
Cộng	25.027.645	738.968.185

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Trong năm, Công ty thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước (Đã trình bày lại)
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	233.090.428	57.364.241
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng CP	11.653.635	28.488.995
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu tăng trong năm	22.666.667	66.204.260
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành	267.410.730	152.057.496

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	140.469.687.571	481.178.462.117
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	140.469.687.571	481.178.462.117
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	267.410.730	152.057.496
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	525	3.164

21. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia không bao gồm 17.106.051.906 đồng là khoản tiền lãi tiền gửi chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

22. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN CỦA CÔNG TY TNHH PRUKSA VIỆT NAM

Ngày 02/01/2013, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã cấp Giấy chứng nhận Đầu tư số 021 022 000 215 cấp ngày 12/07/2010 thành lập Công ty TNHH Pruksa Việt Nam, điều chỉnh lần 1 ngày 26/07/2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0201288966 thay đổi lần thứ hai ngày 09/01/2016 của Công ty TNHH Pruksa Việt Nam, theo đó vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 27.523.810 USD, Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy sở hữu 46,35%.

Ngày 13/7/2015, UBND Tp. Hải Phòng đã cấp Quyết định số 1614/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án này do Công ty THNN Pruksa Việt Nam là chủ đầu tư với tổng diện tích giao đất (đợt 1) là 20.014,3 m².

Tại thời cuối năm 2016, dự án đã bàn giao được 76% các căn hộ hoàn thành chào bán, đồng thời dự án tiếp tục đầu tư xây dựng 02 block nhà 3 tầng.

23. THÔNG TIN KHÁC

Tại thời điểm 03/01/2017, công ty không còn đáp ứng được điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 22/12/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng, do đó Công ty không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

	Bản chất bên liên quan
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy	Cùng cổ đông lớn và thành viên HĐQT
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm nay
	VND
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy	
Mua hàng hóa, dịch vụ	401.918.900.000
Thanh toán và ứng trước tiền hàng	248.920.074.750
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	
Bán hàng hóa, thành phẩm	13.887.500.000
Nhận thanh toán và ứng trước tiền hàng	13.977.500.000
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	
Góp vốn	208.000.000.000
Bán hàng hóa, thành phẩm	3.965.000.000
Nhận tiền hàng	3.965.000.000
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	
Chi phí khác	762.519.765

Số dư với các bên liên quan:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy		
Phải thu do ứng trước tiền mua hàng	5.139.000.000	156.651.825.250
Phải trả thương mại	1.486.000.000	-
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp		
Phải trả do nhận ứng trước tiền hàng	190.000.000	100.000.000
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam		
Phải trả khác	47.074.020.000	47.074.020.000

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán

26. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN QUÝ 4 NĂM 2016 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC

Hiện nay, phân khúc sản phẩm của Công ty trong thị trường ô-tô có sự bão hoà dẫn tới tốc độ tiêu thụ chậm. Cụ thể, doanh thu hợp nhất quý 4 năm 2016 đạt 329.302.827.651 đồng, so với mức 715.644.909.060 đồng cùng kỳ năm ngoái giảm 53,98%. Đây chính là lý do chính khiến lợi nhuận hợp nhất Quý 4 năm 2016 đạt 30.404.150.147 đồng, và so với mức 64.228.359.566 đồng của quý 4 năm 2015 giảm 52,66%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY
Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Quý 4 năm 2016



Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu

Ngày 19 tháng 01 năm 2017

Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng

Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

